

NÂNG CAO KĨ NĂNG NÓI TIẾNG ANH CỦA SINH VIÊN THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG GHI HÌNH

NGUYỄN MINH HÀ¹
NGUYỄN MINH NGỌC²

Abstract: Technology has become an integral part of modern society, with numerous applications across fields such as entertainment, business, and especially in education. It is evident that technological innovation has brought significant changes to teaching and learning offering new opportunities not only for students but also for teachers to access new materials and create more meaningful and engaging educational experiences. This paper focuses on exploring the effectiveness of using video recording activities in blended learning environment to enhance the English-speaking skills of first-year students at Hanoi University of Industry (HaUI). The article uses a mixed-methods research approach, combining both quantitative and qualitative methods, including student surveys and teacher interviews. The research results show that using video recording activities and uploading them to English for Occupational Purposes (EOP) have a positive impact on the progress of students' English-speaking skills, particularly in pronunciation, intonation, and confidence in communication. In addition, the study also highlights the difficulties and advantages that students and teachers encounter, thereby proposing solutions to assist students and teachers in their learning and teaching process.

Keywords: *video recording activities, blended learning system, speaking skills*

1. Mở đầu

Trong kỉ nguyên số, tiếng Anh trở thành công cụ giao tiếp toàn cầu, đặc biệt kĩ năng nói là yếu tố then chốt. Tuy nhiên, sinh viên năm thứ nhất tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội (ĐHCNHN) còn gặp nhiều khó khăn trong quá trình hoàn thiện kĩ năng này. Để giải quyết vấn đề đó, việc ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy và học tập tiếng Anh đã trở thành một xu hướng tất yếu. Các hệ thống quản lí học tập (LMS) như EOP tại Trường Ngoại ngữ - Du lịch, ĐHCNHN đã mở ra những phương thức học tập mới, linh hoạt và hiệu quả hơn. Trong đó, hoạt động ghi hình bài nói và đăng tải lên hệ thống để giáo viên đánh giá được xem là một phương pháp đầy tiềm năng. Bài viết này tập trung nghiên cứu hiệu quả của hoạt động ghi hình trên hệ thống EOP trong việc nâng cao kĩ năng nói tiếng Anh của sinh viên năm thứ nhất tại ĐHCNHN. Nghiên cứu này không chỉ đánh giá tác động của hoạt động ghi hình mà còn phân tích những khó khăn và thuận lợi mà sinh viên và giảng viên gặp phải, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm tối ưu hóa việc sử dụng hệ thống EOP trong giảng dạy và học tập kĩ năng nói tiếng Anh.

2. Cơ sở lí thuyết

2.1. Lí thuyết về hoạt động ghi hình

Hoạt động ghi hình là quá trình sử dụng các thiết bị ghi hình (video, audio) để ghi lại quá trình người học thực hành kĩ năng nói tiếng Anh. Mục đích của hoạt động này nhằm phân tích, đánh giá và cải thiện khả năng phát âm, ngữ điệu, sự trôi chảy và độ chính xác trong giao tiếp bằng tiếng Anh của người học.

2.2. Giới thiệu về hệ thống EOP

2.2.1. Chức năng và cách sử dụng

Hệ thống EOP là một nền tảng LMS được thiết kế riêng cho việc dạy và học tiếng Anh tại ĐHCNHN. Giảng viên có thể dễ dàng đăng tải tài liệu giảng dạy, giao bài tập, chấm điểm và đưa ra phản hồi chi tiết cho từng sinh viên. Sinh viên có thể truy cập hệ thống để làm bài tập với nhiều dạng bài khác nhau, bao gồm cả 4 kĩ năng nghe, nói, đọc, viết và ngữ pháp, từ vựng. Đặc biệt, sau mỗi giờ học, sinh viên có thể tự ghi hình bài nói bằng điện thoại, máy tính,... và đăng tải lên hệ thống. Điều này giúp sinh viên luyện tập và cải thiện kĩ năng nói một cách hiệu quả, tạo điều kiện cho việc học tập tương tác và đánh giá toàn diện.

^{1,2} Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

2.2.2. Ưu điểm và nhược điểm của hệ thống

Môi trường học tập trực tuyến mang đến nhiều ưu điểm vượt trội như tính linh hoạt và tiện lợi, cho phép người học chủ động sắp xếp thời gian và không gian học tập. Bên cạnh đó, hệ thống giúp tăng cường sự kết nối giữa giảng viên và sinh viên, tạo điều kiện cho việc trao đổi và thảo luận hiệu quả hơn. Hệ thống đánh giá và phản hồi cũng giúp người học nhanh chóng nhận biết được điểm mạnh và điểm cần cải thiện của bản thân. Tuy nhiên, môi trường học tập này cũng tồn tại một số nhược điểm. Để tham gia học tập hiệu quả, người học cần có kết nối Internet ổn định và kỹ năng sử dụng công nghệ nhất định. Ngoài ra, vấn đề bảo mật thông tin cũng là một yếu tố cần được quan tâm và đảm bảo.

2.3. Hoạt động ghi hình trong dạy và học tiếng Anh

Hiện nay, có rất nhiều công cụ và phần mềm hỗ trợ việc ghi hình và chỉnh sửa video, từ các ứng dụng trên điện thoại thông minh đến các phần mềm chuyên nghiệp trên máy tính. Việc lựa chọn công cụ phù hợp phụ thuộc vào mục đích sử dụng và trình độ kỹ thuật của người dùng. Theo Benson [1], việc sử dụng các công cụ này giúp người học tạo ra những video chất lượng cao, từ đó nâng cao hiệu quả học tập.

Việc ghi hình giúp người học quan sát và phân tích kỹ năng nói của mình một cách khách quan. Theo nghiên cứu của Gilakjani [4], tự đánh giá thông qua hoạt động ghi hình giúp người học nhận ra những lỗi sai về phát âm, ngữ điệu và ngôn ngữ cơ thể. Ngoài ra, việc này còn giúp tăng cường sự tự tin và khả năng tự học.

Hệ thống EOP cung cấp một nền tảng trực tuyến để quản lý và tổ chức các hoạt động học tập. Ngoài giờ học trên lớp, sinh viên sẽ làm bài tập và ghi hình bài nói, sau đó đăng tải lên hệ thống EOP. Hệ thống này giúp tạo ra một môi trường học tập khép kín, nơi sinh viên có thể dễ dàng thực hành và nhận phản hồi từ giảng viên. Theo nghiên cứu của Wang [11], LMS giúp tăng cường sự tương tác giữa giáo viên và sinh viên, cũng như tạo điều kiện cho việc học tập linh hoạt và cá nhân hóa.

2.4. Khó khăn và thuận lợi của sinh viên khi học kỹ năng nói tiếng Anh

2.4.1. Thuận lợi

Brown [2] đã chỉ ra rằng, việc tự đánh giá thông qua hoạt động ghi hình giúp người học nhận ra những điểm chưa tốt trong kỹ năng nói của mình, từ đó họ có thể tự điều chỉnh và cải thiện. Sinh viên năm thứ nhất thường thiếu tự tin khi nói tiếng Anh, việc ghi hình và xem lại video giúp họ làm quen với việc nói trước ống kính, giảm bớt lo lắng và tăng cường sự tự tin. Richards [8] cũng nhấn mạnh rằng, việc sử dụng video tạo điều kiện cho người học thực hành trong môi trường mô phỏng thực tế, giúp họ làm quen với áp lực giao tiếp và nâng cao khả năng phản xạ. Thêm vào đó, việc tải video lên hệ thống EOP cho phép giảng viên cung cấp phản hồi chi tiết và cá nhân hóa cho từng sinh viên, giúp họ nhận ra và sửa lỗi phát âm, ngữ điệu và ngữ pháp một cách hiệu quả. Nation [5] cho rằng, việc luyện tập nói hiệu quả đòi hỏi sự phản hồi liên tục và kịp thời và hệ thống EOP đáp ứng được yêu cầu này.

2.4.2. Khó khăn

Bên cạnh những thuận lợi, sinh viên năm thứ nhất cũng gặp phải một số khó khăn khi sử dụng hoạt động ghi hình. Nguyen [6] đã chỉ ra rằng, thiếu tự tin là một trong những rào cản lớn nhất và việc quay video có thể làm tăng thêm áp lực tâm lý cho sinh viên, đặc biệt là những người chưa quen với công nghệ. Tran [10] cũng nhấn mạnh rằng, việc phát âm sai, do sự khác biệt giữa hệ thống âm vị tiếng Việt và tiếng Anh, là một vấn đề phổ biến và việc ghi hình có thể làm nổi bật những lỗi này, gây ra sự lo lắng cho sinh viên. Những khó khăn này có thể được giải thích bởi sự thiếu kinh nghiệm của sinh viên năm thứ nhất trong việc sử dụng công nghệ và tự học, cũng như áp lực học tập từ các môn học khác [7].

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Địa điểm và đối tượng nghiên cứu

3.1.1. Địa điểm nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện tại Khoa Ngoại ngữ, Trường Ngoại ngữ - Du lịch, ĐHCNHN. Tại đây, hầu hết các môn học đã áp dụng phương pháp học tập kết hợp (Blended learning). Hàng tuần, bên cạnh các buổi học trực tiếp với giảng viên trên lớp, sinh viên có thể truy cập miễn phí các tài liệu học tập trên hệ thống quản lý học tập (LMS) tại <http://eop.edu.vn> hoặc <http://sv.dhcn.vn> để chủ động tiếp thu và trang bị kiến thức ngôn ngữ và kiến thức nền tảng của bài học (ở mức độ tiếp thu - hiểu -

vận dụng cơ bản). Giảng viên có thể kiểm soát quá trình học tập trực tuyến của sinh viên thông qua các báo cáo, bài kiểm tra nhỏ và các hoạt động được thực hiện trên lớp. Các lớp học tiếng Anh được triển khai trong các phòng học được trang bị đầy đủ thiết bị dạy và học như máy chiếu, màn hình, loa, v.v.

Riêng đối với môn Tiếng Anh cơ bản 2, trong suốt 10 tuần học trên lớp, sinh viên được làm quen với nhiều chủ đề khác nhau cùng các hoạt động cặp, nhóm đa dạng. Sau mỗi tuần học, sinh viên được yêu cầu ghi hình bài nói của mình và đăng tải lên hệ thống EOP để giảng viên kiểm tra và chấm điểm. Những phương pháp này đã tạo điều kiện cho sinh viên thực hành và tương tác, giúp họ phát triển sự tự tin và khả năng giao tiếp hiệu quả.

3.1.2. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng tham gia vào nghiên cứu là 185 sinh viên năm thứ nhất thuộc Khoa Ngoại ngữ, Trường Ngoại ngữ - Du lịch, ĐHCNHN. Đặc biệt, đây là những sinh viên đang học tiếng Anh như ngoại ngữ thứ hai, trong khi ngoại ngữ thứ nhất của họ là tiếng Trung, tiếng Nhật hoặc tiếng Hàn. Sinh viên đến từ 7 lớp khác nhau của khoa và đang học kì tiếng Anh thứ hai trong năm học thứ nhất, tương đương với việc sinh viên đang học môn Tiếng Anh cơ bản 2. Với trình độ tiếng Anh hiện tại, sinh viên năm thứ nhất đang trong giai đoạn phát triển kĩ năng ngôn ngữ, đồng thời cũng gặp những khó khăn trong quá trình cải thiện kĩ năng giao tiếp tiếng Anh.

3.2. Câu hỏi nghiên cứu

Nghiên cứu tìm hiểu hiệu quả của hoạt động ghi hình những thuận lợi, khó khăn mà phương pháp này mang lại. Vì vậy, có 2 câu hỏi đặt ra:

(1) Hoạt động ghi hình có tác động như thế nào đến sự tiến bộ trong kĩ năng nói tiếng Anh của sinh viên năm thứ nhất?

(2) Những khó khăn và thuận lợi nào sinh viên gặp phải khi tham gia hoạt động ghi hình?

3.3. Công cụ nghiên cứu

Để đảm bảo độ tin cậy và sự phong phú của dữ liệu, nghiên cứu này đã kết hợp hai phương pháp thu thập thông tin: bảng hỏi và phỏng vấn.

3.3.1. Bảng hỏi

Bảng hỏi được sử dụng như một công cụ chủ yếu để nắm bắt quan điểm của sinh viên về hoạt động ghi hình. Theo Cohen và cộng sự [3], bảng hỏi là “một phương tiện hiệu quả để thu thập thông tin thực tế về thái độ, sở thích, ý kiến và kinh nghiệm”. Bảng hỏi trực tuyến được xây dựng trên nền tảng Google Forms, với các câu hỏi được thiết kế theo dạng đóng.

3.3.2. Phỏng vấn

Để làm sâu sắc hơn những thông tin thu thập được từ bảng hỏi, nhóm nghiên cứu đã tiến hành phỏng vấn trực tiếp ngẫu nhiên với 05 giáo viên. Theo Tashakkori và Teddlie [9], phương pháp phỏng vấn này không bị ràng buộc bởi một bộ câu hỏi cố định. Mục tiêu của phỏng vấn là khám phá chi tiết hơn về suy nghĩ, trải nghiệm và cảm xúc của người được phỏng vấn. Các câu hỏi được thiết kế dưới dạng mở, khuyến khích người tham gia chia sẻ thông tin một cách tự do. Phương pháp phỏng vấn định tính này giúp làm rõ và mở rộng những phát hiện từ bảng hỏi, đồng thời khám phá những khía cạnh mà bảng hỏi không thể bao quát đầy đủ. Thông qua phương pháp này, nghiên cứu có thể tiếp cận đa chiều các khía cạnh của vấn đề đang được nghiên cứu.

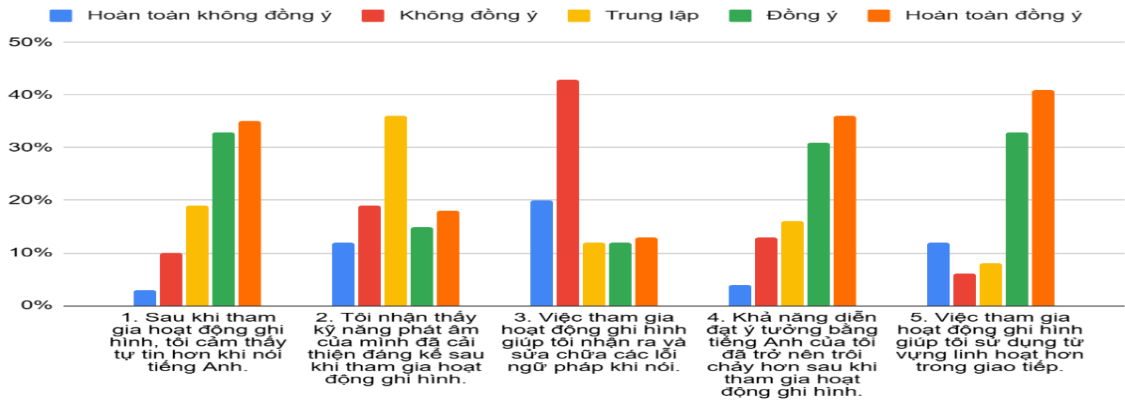
3.3. Xử lý, phân tích dữ liệu

Quá trình thu thập dữ liệu được thực hiện qua 3 giai đoạn: (1) Nghiên cứu và phân tích tài liệu, cơ sở lí thuyết về hoạt động ghi hình; (2) Tiến hành nghiên cứu và thu thập dữ liệu phản hồi từ sinh viên, giáo viên bằng cách sử dụng các công cụ nghiên cứu: bảng hỏi khảo sát và phỏng vấn; (3) Xử lý và phân tích dữ liệu.

Dữ liệu thu thập được từ công cụ bảng hỏi khảo sát - thăm dò được xử lý bằng phần mềm Excel để tạo thành tỉ lệ phần trăm và giá trị trung bình. Dữ liệu được trình bày dưới dạng biểu đồ hoặc bảng thống kê tạo điều kiện thuận lợi cho việc tìm ra kết quả và trả lời các câu hỏi nghiên cứu. Ngoài ra, 05 giảng viên được mời tham gia nghiên cứu sẽ được mã hóa theo thứ tự từ 1 đến 5 để đảm bảo quyền riêng tư và tăng tính bảo mật của nghiên cứu.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Tác động của hoạt động ghi hình đến kỹ năng nói tiếng Anh



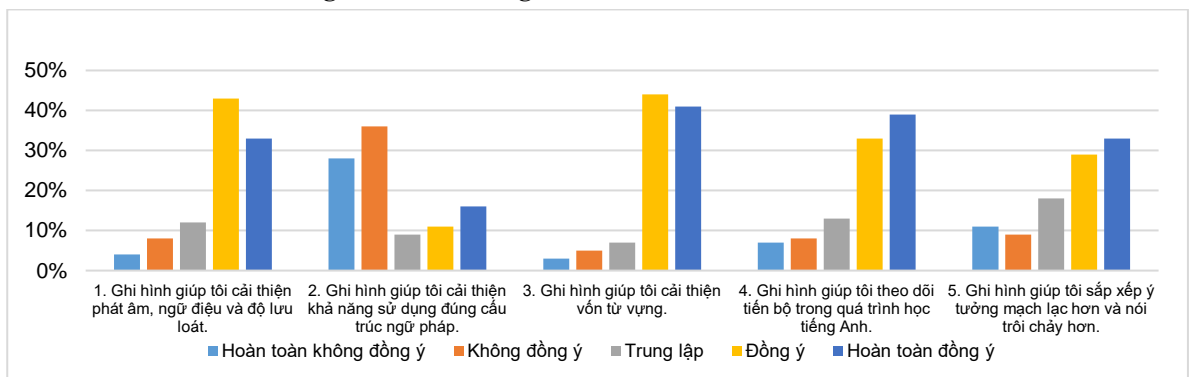
Biểu đồ 1. Tác động của hoạt động ghi hình đến kỹ năng nói tiếng Anh

Dựa trên biểu đồ khảo sát về tác động của hoạt động ghi hình đối với kỹ năng nói tiếng Anh của sinh viên, có thể thấy rõ sự phân hóa trong phản hồi của người tham gia. Trước hết, về mức độ tự tin, đa số sinh viên thể hiện sự đồng tình (33%) hoặc hoàn toàn đồng tình (35%) với việc ghi hình giúp họ tự tin hơn khi nói tiếng Anh. Tuy nhiên, một bộ phận không nhỏ sinh viên vẫn giữ thái độ trung lập (19%), không đồng ý (10%) hoặc hoàn toàn không đồng ý (3%). Điều này cho thấy một bộ phận sinh viên chưa biết khai thác hiệu quả của hoạt động ghi hình trong việc cải thiện sự tự tin. Tiếp theo, về yếu tố cải thiện kỹ năng phát âm, tỉ lệ trung lập là khá cao, chiếm 36%, cho thấy nhiều sinh viên còn phân vân về khả năng cải thiện phát âm thông qua hoạt động ghi hình. Kết quả khảo sát cho thấy, phần lớn sinh viên năm thứ nhất còn thiếu tự tin trong việc đánh giá sự tiến bộ của bản thân thông qua hoạt động ghi hình, hoặc họ chưa đủ khả năng để nhận diện một cách chính xác những lỗi sai trong phát âm. Ngược lại, khả năng diễn đạt ý tưởng ở sinh viên cho thấy xu hướng khả quan, với tỉ lệ 67% sinh viên đồng ý. Song song đó, tỉ lệ trung lập (16%) và không đồng tình (13%) vẫn tồn tại. Đặc biệt, về khả năng sử dụng từ vựng, có đến 74% sinh viên cho rằng hoạt động ghi hình giúp họ sử dụng từ vựng linh hoạt hơn. Mặt khác, đối với việc nhận biết và sửa lỗi ngữ pháp, tỉ lệ sinh viên không đồng ý khá cao (63%), sinh viên gặp khó khăn trong việc phát hiện và sửa lỗi ngữ pháp thông qua hoạt động ghi hình.

Đối với vấn đề này, giảng viên số 5 cho rằng: “hoạt động ghi hình có tác động tích cực đến nhiều khía cạnh của kỹ năng nói, đặc biệt là phát âm và từ vựng. Tuy nhiên, về ngữ pháp và phát âm, dường như sinh viên chưa biết cách tận dụng hiệu quả hoạt động này. Sinh viên có thể không nhận ra lỗi ngữ pháp và phát âm của mình khi ghi hình, hoặc họ thiếu kỹ năng tự đánh giá và sửa lỗi”.

4.2. Ưu điểm của hoạt động ghi hình

4.2.1. Cải thiện kỹ năng nói và khả năng tự nhận thức



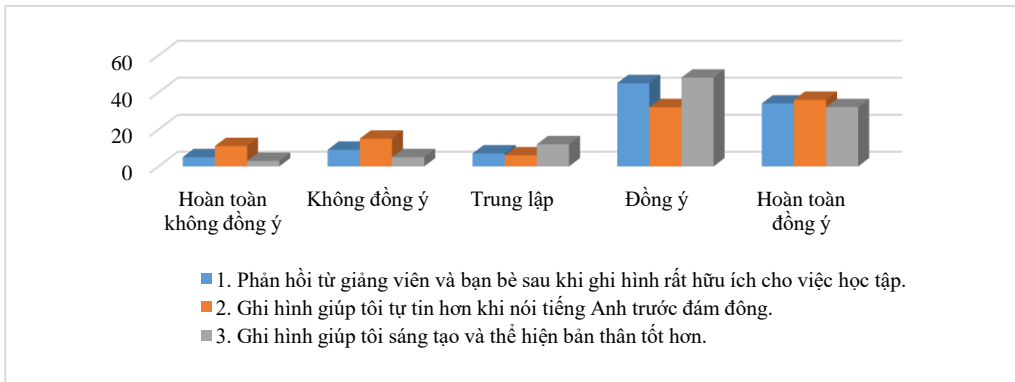
Biểu đồ 2. Hoạt động ghi hình giúp cải thiện kỹ năng nói và khả năng tự nhận thức.

Dựa vào biểu đồ ta có thể thấy rõ những phản hồi tích cực từ sinh viên về lợi ích của hoạt động ghi hình trong việc nâng cao kỹ năng nói và khả năng tự nhận thức.

Đầu tiên, về việc cải thiện phát âm, ngữ điệu và độ lưu loát, đa số sinh viên đều đồng tình với ý kiến này. Cụ thể, có đến 43% sinh viên đồng ý và 33% hoàn toàn đồng ý. Điều này cho thấy hoạt động ghi hình có tác động đáng kể đến khả năng phát âm, ngữ điệu và độ lưu loát của sinh viên. Đặc biệt, việc cải thiện vốn từ vựng, tỉ lệ đồng tình và hoàn toàn đồng ý cao (lần lượt là 44% và 41%), cho thấy hoạt động ghi hình có tác động tích cực đến vốn từ vựng của sinh viên. Tiếp theo, khi thu thập số liệu về yếu tố theo dõi tiến bộ trong quá trình học tiếng Anh, tỉ lệ đồng thuận cũng chiếm đa số (33% đồng ý và 39% hoàn toàn đồng ý). Điều này cho thấy hoạt động ghi hình giúp sinh viên nhận thức rõ hơn về sự tiến bộ của mình trong quá trình học tập. Tương tự, 62% sinh viên đồng ý rằng ghi hình giúp nâng cao khả năng sắp xếp ý tưởng cũng như giúp họ nói trôi chảy hơn. Tuy nhiên, tỉ lệ trung lập lại cao hơn so với các yếu tố khác, lên đến 18%, cho thấy hoạt động ghi hình có tác động đến khả năng sắp xếp ý tưởng và độ trôi chảy, nhưng không đồng đều ở tất cả sinh viên. Một yếu tố quan trọng cần lưu ý là sinh viên chưa tận dụng được hoạt động ghi hình trong việc cải thiện khả năng sử dụng đúng cấu trúc ngữ pháp khi tỉ lệ không đồng ý lên đến 64%. Điều này cho thấy sinh viên có thể chưa nhận ra các lỗi ngữ pháp mà họ mắc phải trong quá trình ghi hình, do đó họ không nhận thấy được sự cải thiện của yếu tố này.

Tương tự, trong quá trình phỏng vấn, giảng viên số 3 cho rằng: “hoạt động ghi hình giúp sinh viên cải thiện đáng kể về phát âm, ngữ điệu và độ lưu loát. Tuy nhiên, việc cải thiện ngữ pháp lại không mấy khả quan. Có lẽ đây là sinh viên năm thứ nhất, nền tảng ngữ pháp còn chưa tốt, nên cần được tra cứu, cải thiện về mặt ngữ pháp nhiều hơn, song song với việc học 4 kỹ năng thực hành tiếng”.

4.2.2. Phản hồi và sự tự tin

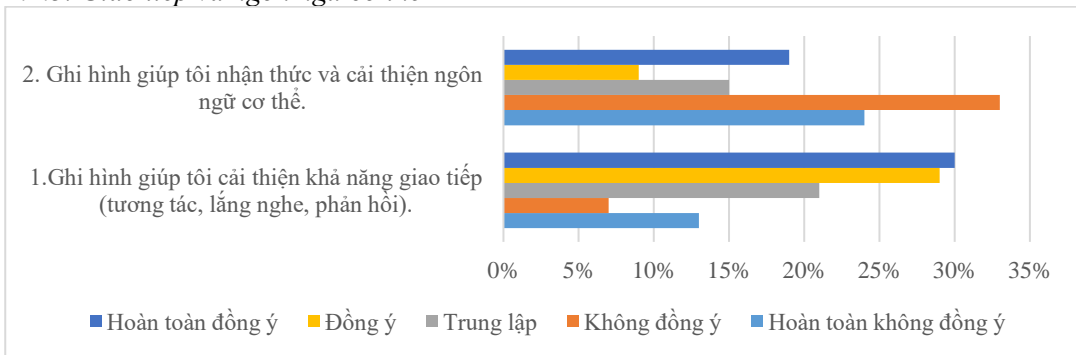


Biểu đồ 3. Hoạt động ghi hình giúp nhận được phản hồi và tăng sự tự tin

Dựa trên biểu đồ khảo sát về “phản hồi và sự tự tin” trong hoạt động ghi hình, có thể thấy rõ sự phân hóa trong phản hồi của sinh viên.

Về mức độ hữu ích của phản hồi từ giảng viên và bạn bè, đa số sinh viên đánh giá cao tính hữu ích của quan điểm này. Cụ thể, 45% sinh viên đồng ý và 34% hoàn toàn đồng ý rằng phản hồi từ giảng viên và bạn bè sau khi ghi hình rất hữu ích cho việc học tập của họ. Chỉ có một tỉ lệ nhỏ sinh viên thể hiện sự không đồng tình (14%), cho thấy phản hồi từ người khác đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả học tập của sinh viên thông qua hoạt động ghi hình. Tiếp theo, yếu tố ghi hình giúp tự tin hơn khi nói tiếng Anh trước đám đông, tỉ lệ đồng tình và hoàn toàn đồng tình là khá cao, lần lượt là 32% và 36%. Điều này cho thấy hoạt động ghi hình có tác động tích cực đến sự tự tin của sinh viên khi nói tiếng Anh trước đám đông. Tuy nhiên, vẫn còn một tỉ lệ đáng kể sinh viên không đồng tình (26%), cho thấy không phải sinh viên nào cũng khai thác được tối đa hiệu quả mà hoạt động ghi hình mang lại nhằm tăng cường sự tự tin cho bản thân. Đặc biệt, 80% sinh viên cho rằng việc ghi hình giúp sáng tạo và thể hiện bản thân tốt hơn. Điều này cho thấy hoạt động ghi hình tạo cơ hội cho sinh viên thể hiện sự sáng tạo và cá tính của mình.

4.2.3. Giao tiếp và ngôn ngữ cơ thể

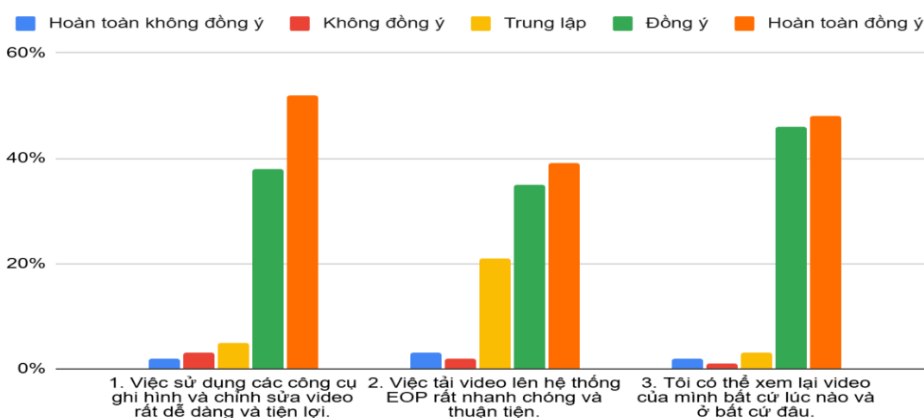


Biểu đồ 4. Hoạt động ghi hình cải thiện kỹ năng giao tiếp và ngôn ngữ cơ thể

Dựa vào biểu đồ khảo sát, có thể thấy: Về yếu tố cải thiện khả năng giao tiếp (tương tác, lắng nghe, phản hồi), có sự phân hóa đáng kể trong nhận định của sinh viên. Tỷ lệ đồng ý và hoàn toàn đồng ý lần lượt là 29% và 30%, cho thấy một phần lớn sinh viên nhận thấy hoạt động ghi hình giúp cải thiện khả năng giao tiếp của họ. Tuy nhiên, tỷ lệ trung lập (21%), không đồng ý (7%), hoàn toàn không đồng ý (13%) cũng cho thấy một số sinh viên chưa cảm nhận được rõ rệt tác động này. Điều này có thể được lí giải bởi việc ghi hình tập trung nhiều hơn vào việc cải thiện kỹ năng nói cá nhân hơn là kỹ năng giao tiếp tương tác. Bên cạnh đó, phản hồi về yếu tố nhận thức và cải thiện ngôn ngữ cơ thể của sinh viên cho thấy sự không đồng tình chiếm ưu thế. Cụ thể, 57% sinh viên không đồng ý rằng ghi hình giúp họ nhận thức và cải thiện ngôn ngữ cơ thể. Ngược lại, chỉ có 28% sinh viên đồng ý và 15% giữ quan điểm trung lập, cho thấy sinh viên chưa khai thác triệt để hoạt động ghi hình để nâng cao khả năng sử dụng ngôn ngữ cơ thể.

Về nội dung này, giảng viên số 1 khẳng định: “Hoạt động ghi hình giúp các em cải thiện khả năng nói tốt hơn, tuy nhiên về khả năng giao tiếp, nhất là ngôn ngữ cơ thể, thì hiệu quả chưa được rõ ràng. Các em đang tập trung quá nhiều vào việc ghi hình và ít để ý đến các kỹ năng giao tiếp khác”.

4.2.4. Ưu điểm về mặt kỹ thuật



Biểu đồ 5. Lợi ích về mặt kỹ thuật của hoạt động ghi hình

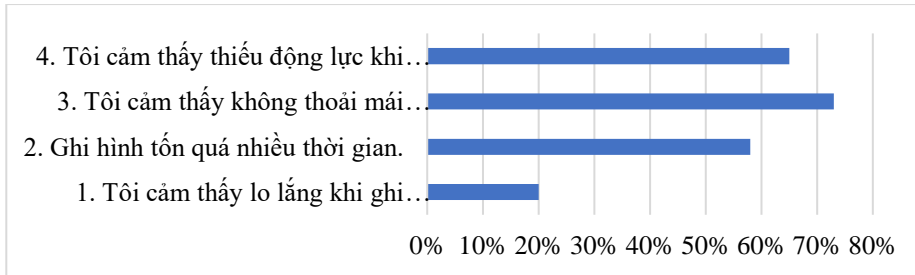
Dựa vào biểu đồ khảo sát về “ưu điểm về mặt kỹ thuật” trong hoạt động ghi hình, có thể thấy rõ những phản hồi tích cực từ sinh viên về tính tiện lợi và dễ sử dụng của các công cụ và hệ thống EOP

Về việc sử dụng các công cụ ghi hình và chỉnh sửa video, đa số sinh viên đều đánh giá cao tính dễ dàng và tiện lợi. Cụ thể, 52% sinh viên hoàn toàn đồng ý và 38% đồng ý với nhận định này vì sinh viên chủ yếu sử dụng điện thoại thông minh để ghi hình. Tiếp theo, đối với việc đăng tải video lên hệ thống EOP, tỷ lệ đồng ý và hoàn toàn đồng ý cũng khá cao, lần lượt là 35% và 39%. Điều này cho thấy hệ thống EOP được thiết kế tối ưu, giúp sinh viên tải video lên một cách nhanh chóng và thuận tiện. Tỷ lệ trung lập (21%) cho thấy một số sinh viên có thể gặp phải một vài khó khăn nhỏ trong quá

trình tải video. Tương tự, 94% sinh viên (46% chọn đồng ý và 48% chọn hoàn toàn đồng ý) cho rằng họ có thể dễ dàng xem lại video mọi lúc mọi nơi. Trên thực tế, hệ thống EOP cho phép sinh viên truy cập và xem lại video của mình một cách linh hoạt, giúp họ có thể tự đánh giá và cải thiện kỹ năng nói một cách hiệu quả.

4.3. Khó khăn khi tham gia hoạt động ghi hình

4.3.1. Tâm lý và thời gian

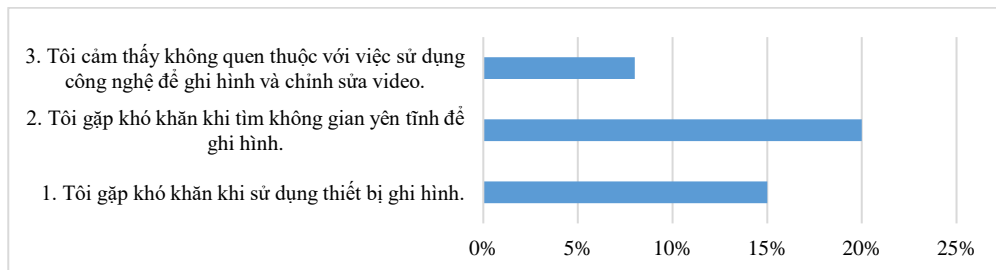


Biểu đồ 6. Khó khăn về mặt tâm lý và thời gian

Dựa vào biểu đồ khảo sát, ta có thể thấy rõ những quan điểm khác nhau mà nhóm tác giả đã thu thập được thông qua phiếu điều tra. Điểm nổi trội nhất đó là chỉ có 20% sinh viên bày tỏ cảm giác lo lắng khi ghi hình bài nói tiếng Anh. Điều này cho thấy sau học kì 1, sinh viên đã dần thích nghi với việc ghi hình và cảm thấy tự tin hơn khi thực hiện hoạt động này. Tuy nhiên, với yếu tố, ghi hình tốn quá nhiều thời gian, 58% sinh viên đồng tình với nhận định này. Trên thực tế, hoạt động ghi hình đòi hỏi sinh viên phải đầu tư nhiều thời gian và công sức, từ việc chuẩn bị nội dung, ghi hình, chỉnh sửa video đến tải lên hệ thống, chưa kể đến khối lượng bài tập từ các môn học khác cũng chiếm nhiều thời gian của họ. Đặc biệt, 73% sinh viên cảm thấy không thoải mái khi nghe lại giọng nói của mình. Đây là một trong những khó khăn lớn nhất mà sinh viên gặp phải, cho thấy nhiều sinh viên cảm thấy tự ti về giọng nói của mình và không quen với việc nghe lại giọng nói của mình trong video. Cuối cùng, về cảm giác thiếu động lực khi thực hiện hoạt động ghi hình, 65% sinh viên đồng tình với nhận định này. Điều này cho thấy việc duy trì động lực là một thách thức đối với sinh viên khi tham gia hoạt động ghi hình.

Khi được hỏi về những khó khăn mà sinh viên gặp phải trong quá trình sử dụng hoạt động ghi hình, đặc biệt là về việc tự đánh giá và duy trì thói quen, giảng viên số 4 cho rằng: “Đúng là hoạt động ghi hình mang lại nhiều lợi ích, nhưng việc duy trì động lực cho sinh viên là một thách thức lớn. Các em thường chỉ thực hiện ghi hình khi có yêu cầu từ giáo viên, còn lại thì rất ít khi tự giác quay video để luyện nói tiếng Anh, đặc biệt là trong thời gian nghỉ hè”.

4.3.2. Kỹ thuật và môi trường học tập



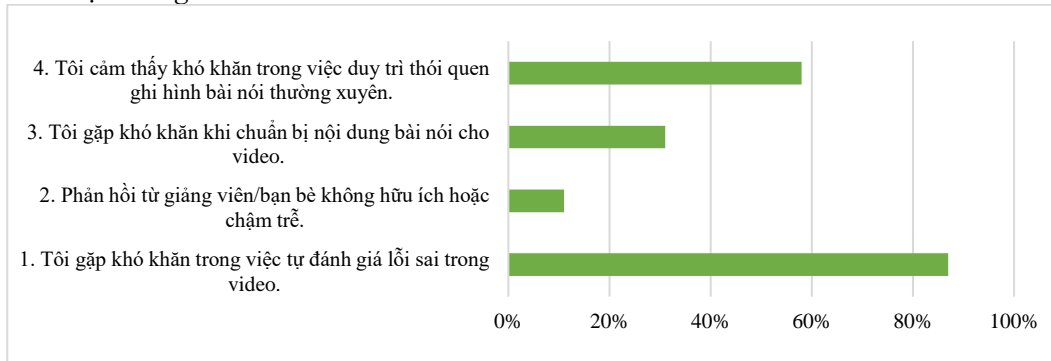
Biểu đồ 7. Khó khăn về mặt kỹ thuật và môi trường học tập

Dựa vào biểu đồ khảo sát, ta có thể thấy rằng tỉ lệ sinh viên gặp khó khăn trong các khía cạnh này tương đối thấp.

Về khó khăn khi sử dụng thiết bị ghi hình, chỉ có 15% sinh viên cho biết họ gặp khó khăn. Phần lớn sinh viên đều rất thành thạo trong việc sử dụng các thiết bị ghi hình, đặc biệt là điện thoại thông minh, vốn là thiết bị phổ biến và tiện lợi mà họ thường sử dụng để quay video. Đối với yếu tố khó

khăn khi tìm không gian yên tĩnh để ghi hình, tỉ lệ này cao hơn một chút, ở mức 20%. Điều này cho thấy một số sinh viên gặp khó khăn trong việc tìm kiếm môi trường ghi hình phù hợp, có thể do điều kiện sinh hoạt hoặc học tập của họ chưa thuận lợi. Cuối cùng, yếu tố chiếm tỉ lệ thấp nhất (8%) đó là cảm giác không quen thuộc với việc sử dụng công nghệ để ghi hình và chỉnh sửa video. Điều này cho thấy phần lớn sinh viên đã có kỹ năng sử dụng công nghệ cần thiết cho hoạt động ghi hình.

4.3.3. Tự đánh giá



Biểu đồ 8. Khó khăn trong quá trình tự đánh giá

Dựa vào biểu đồ khảo sát về quá trình tự đánh giá, có thể thấy rằng sinh viên gặp phải một số khó khăn đáng kể, đặc biệt là trong việc tự đánh giá lỗi sai trong video khi có tới 87% sinh viên cho biết họ gặp phải vấn đề này. Đây là tỉ lệ cao nhất trong tất cả các khó khăn được khảo sát, cho thấy sinh viên chưa biết cách phân tích và đánh giá video của mình để tìm ra các lỗi sai. Điều này có thể do sinh viên năm thứ nhất còn thiếu kỹ năng tự đánh giá hoặc thiếu kinh nghiệm trong việc phân tích video. Yếu tố tiếp theo là phản hồi từ giảng viên/bạn bè không hữu ích hoặc chậm trễ chiếm tỉ lệ thấp hơn nhiều, chỉ 11%. Tỉ lệ này cho thấy phần lớn sinh viên hài lòng với phản hồi mà họ nhận được từ giảng viên và bạn bè. Bên cạnh đó, 31% sinh viên cho biết họ gặp khó khăn khi chuẩn bị nội dung cho bài nói, có thể do họ thiếu ý tưởng, thiếu kỹ năng viết kịch bản hoặc thiếu thời gian. Cuối cùng, 58% sinh viên khó duy trì thói quen ghi hình bài nói thường xuyên. Đây là một thách thức đối với sinh viên, có thể do họ cảm thấy mệt mỏi vì khối lượng bài tập và công việc cần phải hoàn thành.

Giảng viên số 2 cho rằng: “khó khăn lớn nhất của sinh viên, đặc biệt là sinh viên năm thứ nhất là việc tự đánh giá lỗi sai trong video của mình. Các em dường như không biết cách phân tích và nhận diện lỗi của mình, có lẽ do thiếu kinh nghiệm hoặc thiếu kỹ năng tự đánh giá. Bên cạnh đó, việc duy trì thói quen ghi hình cũng là một thách thức đối với các em, có thể do thiếu động lực hoặc quá tải bài tập từ các môn khác”.

5. Thảo luận

Nghiên cứu này đã chỉ ra tác động, thuận lợi và khó khăn của hoạt động ghi hình đối với việc cải thiện kỹ năng nói tiếng Anh của sinh viên năm thứ nhất. Kết quả thu được từ khảo sát và phỏng vấn giáo viên cho thấy một bức tranh đa chiều về hiệu quả của phương pháp này.

5.1. Tác động của hoạt động ghi hình

Hoạt động ghi hình mang lại tác động tích cực đến nhiều khía cạnh của kỹ năng nói tiếng Anh, đặc biệt là sự tự tin, khả năng phát âm, diễn đạt ý tưởng và sử dụng từ vựng. Sinh viên nhận thấy rõ rệt sự cải thiện về vốn từ vựng và khả năng theo dõi tiến bộ trong quá trình học tập. Tuy nhiên, việc cải thiện ngữ pháp, phát âm lại là một thách thức lớn, khi sinh viên gặp khó khăn trong việc nhận ra và sửa lỗi ngữ pháp, phát âm thông qua ghi hình. Nhận định này tương đồng với quan điểm của Tran [10] khi cho rằng sinh viên chưa nhận thức được lỗi sai về phát âm. Ngoài ra, tác động của hoạt động ghi hình đến kỹ năng giao tiếp (tương tác, lắng nghe, phản hồi) và ngôn ngữ cơ thể cũng không rõ ràng, cho thấy sinh viên tập trung nhiều hơn vào kỹ năng nói cá nhân mà bỏ qua các khía cạnh giao tiếp khác.

Điều này phù hợp với nghiên cứu của Richards [8], người nhấn mạnh rằng việc phát triển kỹ năng nói cần đi kèm với việc rèn luyện các kỹ năng giao tiếp khác để đảm bảo hiệu quả giao tiếp toàn diện.

5.2. Thuận lợi của hoạt động ghi hình

Hoạt động ghi hình mang lại nhiều thuận lợi cho sinh viên trong việc cải thiện kỹ năng nói và nhận thức của bản thân. Sinh viên nhận thấy sự tiến bộ rõ rệt về phát âm, ngữ điệu, độ lưu loát, vốn từ vựng và khả năng sắp xếp ý tưởng. Phản hồi từ giảng viên và bạn bè được đánh giá cao, đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả học tập. Ghi hình cũng giúp sinh viên tự tin hơn khi nói trước đám đông và thể hiện bản thân tốt hơn. Về mặt kỹ thuật, sinh viên đánh giá cao tính tiện lợi và dễ sử dụng của các công cụ ghi hình và hệ thống EOP, giúp họ dễ dàng tải video và xem lại video mọi lúc mọi nơi. Những thuận lợi này phù hợp với lý thuyết về tự học và phản hồi trong học tập ngôn ngữ [2], cho thấy việc sử dụng công nghệ hỗ trợ tự học và nhận phản hồi có thể thúc đẩy quá trình học tập hiệu quả hơn. Ngoài ra, việc luyện tập nói hiệu quả đòi hỏi sự phản hồi liên tục và kịp thời và hệ thống EOP đáp ứng được yêu cầu này [5].

5.3. Khó khăn của hoạt động ghi hình

Bên cạnh những thuận lợi, hoạt động ghi hình cũng đặt ra nhiều thách thức cho sinh viên. Về mặt tâm lý và thời gian, sinh viên cảm thấy hoạt động này tốn nhiều thời gian, họ không thoải mái khi nghe lại giọng nói của mình và thiếu động lực để duy trì thói quen ghi hình. Về mặt kỹ thuật và môi trường, một số sinh viên gặp khó khăn trong việc tìm không gian yên tĩnh để ghi hình. Tuy nhiên, khó khăn lớn nhất mà sinh viên gặp phải là trong việc tự đánh giá lỗi sai trong video, cho thấy họ thiếu kỹ năng phân tích và đánh giá sản phẩm của mình. Những khó khăn này có thể được giải thích bởi sự thiếu kinh nghiệm của sinh viên năm thứ nhất trong việc sử dụng công nghệ và tự học, cũng như áp lực học tập từ các môn học khác [7].

6. Kết luận

Hoạt động ghi hình mang lại nhiều lợi ích cho sinh viên trong việc cải thiện kỹ năng nói tiếng Anh, đặc biệt là phát âm, ngữ điệu và sự tự tin. Tuy nhiên, sinh viên gặp khó khăn trong việc tự đánh giá lỗi ngữ pháp và thiếu tập trung vào các kỹ năng giao tiếp khác. Do đó, giáo viên nên cung cấp thêm những hướng dẫn về ngữ pháp và khuyến khích sinh viên tham gia các hoạt động giao tiếp nhóm. Đồng thời, sinh viên cần chủ động rèn luyện kỹ năng tự đánh giá, tích cực sử dụng phản hồi từ giáo viên và bạn bè, đồng thời vượt qua những lo lắng tâm lý để duy trì thói quen ghi hình và học tập hiệu quả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Benson, P. *Teaching and researching autonomy*. Routledge. 2017.
2. Brown, H. D. *Principles of language learning and teaching*. Pearson Education ESL. 2007.
3. Cohen, L., Manion, L., & Morrison, K. *Research methods in education (eight edition)*. Abingdon, Oxon. 2018.
4. Gilakjani, A. P. *The significance of self-assessment in foreign language learning*. Theory and Practice in Language Studies, 6(8), 1607-1617. 2016.
5. Nation, I. S. P. *What should every EFL teacher know?* Compass Publishing. 2013.
6. Nguyen, T. T. M. *Factors affecting Vietnamese students' speaking performance*. Asian EFL Journal, 13(3), 128-150. 2011.
7. Oxford, R. L. *Language learning strategies: What every teacher should know*. Newbury House. 1990.
8. Richards, J. C. *Key issues in language teaching*. Cambridge university press. 2015.
9. Tashakkori, A., Teddlie, C., & Sines, M. C. *Utilizing mixed methods in psychological research*. Handbook of psychology, 2, 428-450. 2012.
10. Tran, T. T. *The impact of pronunciation instruction on Vietnamese EFL learners' speaking ability*. Journal of Language Teaching and Research, 4(6), 1184-1191. 2013.
11. Wang, Y. *The impact of learning management systems (LMS) on online language learning*. Computer Assisted Language Learning, 1-20. 2021.